TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**
Số: 113/2021/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 10 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 69/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đặng Trần S, sinh năm 1976; địa chỉ: 79 T, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Chị Mai Thị Diệu T, sinh năm 1980; địa chỉ: 33 S, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Trần S và chị Mai Thị Diệu T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2011 tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh S, chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của

luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh S và chị T.

[2] Về con chung: Anh Đặng Trần S và chị Mai Thị Diệu T có một con chung là cháu Đặng Nhật M, sinh ngày 18/4/2011. Anh S và chị T thỏa thuận giao cháu M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Đặng Trần S và chị Mai Thị Diệu T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Trần S và chị Mai Thị Diệu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đặng Trần S và chị Mai Thị Diệu T có một con chung là cháu Đặng Nhật M, sinh ngày 18/4/2011. Hiện nay cháu M đang sống chung với chị T.

Giao cháu Đặng Nhật M cho chị Mai Thị Diệu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Đặng Trần S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng (Ba triệu đồng/ 1 Tháng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Đặng Trần S và chị Mai Thị Diệu T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án: Anh Đặng Trần S và chị Mai Thị Diệu T mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002243 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Đặng Trần S và chị Mai Thị Diệu T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. H, thành phố H
(Đăng ký kết hôn số 16 ngày 01/4/2011);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh